

CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

-----*-----

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
(Sửa đổi lần thứ 5)

NĂM 2013



ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Chương I. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân :	Trang 2
Điều 2. Tên công ty, trụ sở và phạm vi hoạt động :	Trang 2
Điều 3. Mục tiêu, ngành nghề kinh doanh :	Trang 3
Điều 4. Thời hạn hoạt động :	Trang 3
Điều 5. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động :	Trang 3-4
Điều 6. Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị xã hội trong công ty :	Trang 4

Chương II. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG

Điều 7. Vốn điều lệ :	Trang 4
Điều 8. Các loại cổ phần :	Trang 4-5
Điều 9. Quyền hạn cổ đông phổ thông :	Trang 5->7
Điều 10. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông :	Trang 7- 8
Điều 11. Cổ phiếu :	Trang 8
Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông :	Trang 9
Điều 13. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần :	Trang 9->11
Điều 14. Thừa kế cổ phần :	Trang 11-12
Điều 15. Phát hành trái phiếu :	Trang 12
Điều 16. Mua cổ phần, trái phiếu :	Trang 12
Điều 17. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông :	Trang 12-13
Điều 18. Mua lại cổ phần theo quyết định của công ty :	Trang 13
Điều 19. Điều kiện thanh toán và xử lý cổ phần được mua lại :	Trang 14
Điều 20. Trả cổ tức :	Trang 14-15
Điều 21. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức :	Trang 15

Chương III. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 22. Đại hội đồng cổ đông :	Trang 15-16
Điều 23. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông :	Trang 16->18
Điều 24. Danh sách cổ đông có quyền dự họp ĐHĐCĐ :	Trang 18-19
Điều 25. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông :	Trang 19
Điều 26. Mời họp Đại hội đồng cổ đông :	Trang 19-20
Điều 27. Quyền dự họp Đại hội cổ đông :	Trang 20-21
Điều 28. Điều kiện tiến hành họp Đại hội cổ đông :	Trang 21
Điều 29. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại ĐHĐCĐ	Trang 21->23
Điều 30. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua :	Trang 23-24
Điều 31. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến CĐ bằng VB để thông qua NQ của Đại hội đồng cổ đông :	Trang 24->26
Điều 32. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông :	Trang 26-27
Điều 33. Yêu cầu huỷ bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông :	Trang 27
Chương IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ	
Điều 34. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty cổ phần :	Trang 28
Điều 35. Hội đồng quản trị :	Trang 28->30
Điều 36. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị :	Trang 30
Điều 37. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị :	Trang 30
Điều 38. Chủ tịch Hội đồng quản trị :	Trang 30-31
Điều 39. Cuộc họp Hội đồng quản trị :	Trang 31-32
Điều 40. Biên bản họp Hội đồng quản trị :	Trang 32-33
Điều 41. Quyền được cung cấp thông tin của TVHĐQT :	Trang 33
Điều 42. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung TVHĐQT :	Trang 33-34
Điều 43. Giám đốc công ty :	Trang 34-35
Điều 44. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của TVHĐQT, GĐ :	Trang 35
Điều 45. Công khai các lợi ích liên quan :	Trang 35-36
Điều 46. Trách nhiệm của người quản lý Công ty :	Trang 36
Điều 47. Hợp đồng, giao dịch phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận :	Trang 37

Chương V. BAN KIỂM SOÁT

Điều 48. Cơ cấu tổ chức Ban kiểm soát :	Trang 38
Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên :	Trang 38
Điều 50. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát :	Trang 38->40
Điều 51. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát :	Trang 40
Điều 52. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát :	Trang 40
Điều 53. Trách nhiệm của kiểm soát viên :	Trang 41
Điều 54. Miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên :	Trang 41-42

Chương VI. LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

Điều 55. Lao động và tuyển dụng lao động :	Trang 42
Điều 56. Tiền lương :	Trang 42
Điều 57. Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động :	Trang 42-43

Chương VII. TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 58. Năm tài chính :	Trang 43
Điều 59. Quyết toán và Báo cáo tài chính :	Trang 43
Điều 60. Chế độ kế toán :	Trang 44
Điều 61. Phân phối lợi nhuận :	Trang 44
Điều 62. Phân chia lợi tức cổ phần :	Trang 44
Điều 63. Xử lý kinh doanh thua lỗ :	Trang 44
Điều 64. Giải quyết tranh chấp :	Trang 44-45

Chương VIII. GIẢI THỂ, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN

Điều 65. Giải thể :	Trang 45
Điều 66. Thanh lý tài sản khi công ty giải thể :	Trang 45
Điều 67. Phá sản :	Trang 45

Chương IX. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 68. Điều khoản thi hành :	Trang 45-46
Điều 69. Con dấu :	Trang 46
Điều 70. Tuân thủ pháp luật :	Trang 46
Điều 71. Trình báo cáo hàng năm :	Trang 46-47
Điều 72. Công khai thông tin về công ty cổ phần :	Trang 47
Điều 73. Hiệu lực của Điều lệ :	Trang 47

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI

Căn cứ :

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 8 nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2015;
- Luật Kế toán số 03/2003/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2003 và các văn bản hướng dẫn dưới luật hiện hành;
- Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Chính phủ về việc chuyển công ty Nhà nước thành công ty cổ phần;
- Quyết định số 1288/QĐ-UB ngày 17 tháng 3 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Dệt Kim Hà Nội thành Công ty cổ phần Dệt Kim Hà Nội;
- Nghị định số 71/2017/NĐ - CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017 BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của nghị định 71/2017/NĐ-CP về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng;
- Biên bản họp Đại hội cổ đông thường niên Công ty Cổ phần dệt Kim Hà Nội ngày 23 tháng 6 năm 2018;

Chúng tôi, những cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của Công ty cổ phần Dệt Kim Hà Nội đã nhất trí thông qua nội dung sửa đổi bản Điều lệ của Công ty và cùng cam kết thực hiện những quy định trong bản Điều lệ này.

Bản Điều lệ này chi phối toàn bộ những vấn đề về tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dệt Kim Hà Nội.

Chương I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Hình thức tổ chức và tư cách pháp nhân

1/ Công ty Cổ phần Dệt Kim Hà Nội thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước. Có vốn điều lệ thuộc sở hữu của các cổ đông thuộc công ty, được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần và chịu trách nhiệm tài chính hữu hạn đối với các khoản nợ bằng số vốn đó. Hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

2/ Công ty Cổ phần Dệt Kim Hà Nội, có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ tại kho bạc Nhà nước, các Ngân hàng trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 (dưới đây được gọi tắt là Luật Doanh nghiệp) và các văn bản hiện hành của Nhà nước.

Điều 2. Tên công ty, trụ sở và phạm vi hoạt động.

1/ **Tên gọi: CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI**

- Tên gọi đầy đủ: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỆT KIM HÀ NỘI**

- Tên viết tắt:

- Tên giao dịch quốc tế: HANOI KNITTING JOINT STOCK COMPANY

- Tên viết tắt : **HKC**

2/ **Trụ sở chính:** Lô 2 - CN5 - Cụm Công nghiệp tập trung vừa và nhỏ Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

- Điện thoại giao dịch: 84.024. 38362027

- FAX: 84.024.38362470

- Email: hkc@detkimhanoi.com

- Biểu tượng (logo):



3/ **Phạm vi hoạt động:**

Công ty cổ phần Dệt Kim Hà Nội (dưới đây gọi tắt là Công ty) hoạt động sản xuất kinh doanh trên phạm vi lãnh thổ nước Việt Nam; Công ty có thể mở Chi nhánh, Văn phòng đại diện ở trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam và thông lệ Quốc tế.

Điều 3. Mục tiêu, ngành nghề kinh doanh

1/ Mục tiêu:

- Không ngừng nâng cao lợi ích của nhà nước, của công ty, các cổ đông và người lao động.
- Tăng tích lũy và phát triển sản xuất kinh doanh của công ty.
- Góp phần thiết thực vào việc thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

2/ Ngành nghề kinh doanh:

- a) Sản xuất kinh doanh các sản phẩm thuộc ngành dệt may.
- b) Nhập khẩu các thiết bị, nguyên liệu, vật tư phục vụ cho sản xuất của ngành dệt may.
- c) Liên doanh, hợp tác sản xuất với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước. Nhận ủy thác xuất, nhập khẩu các sản phẩm thuộc ngành dệt may, ngành điện, điện máy và tư liệu tiêu dùng.
- d) Làm đại diện, đại lý, bán buôn, bán lẻ các sản phẩm công nghiệp và sản phẩm tiêu dùng.
- đ) Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch.
- e) Kinh doanh bất động sản, cho thuê trụ sở văn phòng, nhà ở và cửa hàng giới thiệu sản phẩm.
- g) Mua, bán cổ phiếu trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Thời hạn hoạt động

1/ Trừ khi chấm dứt hoạt động theo Điều 65 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

2/ Thời hạn hoạt động của công ty có thể được gia hạn hoặc rút ngắn do Đại hội đồng cổ đông quyết định và thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức hoạt động

1/ Công ty cổ phần Dệt Kim Hà Nội tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ tôn trọng pháp luật.

2/ Cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty cổ phần Dệt Kim Hà Nội là Đại hội đồng cổ đông.

3/ Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm.

4/ Ban kiểm soát là cơ quan kiểm soát hoạt động của công ty cổ phần do Đại hội đồng cổ đông bầu và miễn nhiệm.

5/ Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc thuê. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của công ty cổ phần.

Điều 6. Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị xã hội trong công ty.

1/ Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, Pháp luật Việt Nam và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.

2/ Doanh nghiệp có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại doanh nghiệp; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

Chương II

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG

Điều 7. Vốn điều lệ

1/ *Vốn Điều lệ* của Công ty cổ phần Dệt Kim Hà Nội được góp bằng tiền Việt Nam. Tại ngày thông qua Điều lệ này, vốn Điều lệ của Công ty Cổ phần Dệt Kim Hà Nội là : 24.000.000.000 đồng (Hai mươi tư tỷ đồng).

Cổ phần được phát hành dưới hình thức cổ phiếu, giá trị mỗi cổ phần (mệnh giá cổ phiếu) là: 10.000 đồng/cổ phần (mười nghìn đồng/cổ phần).

2/ *Sử dụng vốn Điều lệ*: Vốn Điều lệ chỉ được sử dụng vào mục đích kinh doanh, không được sử dụng vốn Điều lệ để chia cổ tức hoặc phân tán cho các cổ đông.

3/ *Điều chỉnh vốn Điều lệ*: Vốn Điều lệ chỉ được điều chỉnh tăng, giảm theo nhu cầu sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của công ty.

Việc điều chỉnh vốn Điều lệ : Vốn Điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo quy định của pháp luật. Công ty cổ phần có quyền phát hành chứng khoán các loại để huy động vốn.

Điều 8. Các loại cổ phần

1/ Các cổ phần của công ty đều là cổ phần phổ thông.

2/ Ngoài cổ phần phổ thông, công ty cổ phần có thể có cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:

- a) Cổ phần ưu đãi biểu quyết
- b) Cổ phần ưu đãi cổ tức
- c) Cổ phần ưu đãi hoàn lại
- đ) Cổ phần ưu đãi khác do Điều lệ công ty quy định.

3/ Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Quyền hạn của cổ đông phổ thông

1/ Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:

- a) Tham dự và phát biểu trong Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền, mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.
- b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty.
- d) Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 và khoản 1 điều 126 của Luật Doanh nghiệp.
- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông, có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.
- e) Xem xét, tra cứu, trích lục, sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật.
- f) Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
- h) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2/ Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **10%** tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng có các quyền say đây:

- a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát (nếu có).
- b) Xem xét, trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và báo cáo của Ban kiểm soát.
- c) Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản ba (3) Điều này.
- d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản, phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân. Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; Số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
- e) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3/ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao.
- b) Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá 6 tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng

số cổ phần của công ty. Căn cứ vào lý do yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông, kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

4/ Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát quy định tại điểm a khoản 2 Điều này được thực hiện như sau :

- Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 10. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

1/ Thanh toán đủ và đúng thời hạn cổ phần cam kết mua trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào công ty cổ phần. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần.

2/ Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của công ty.

3/ Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị.

4/ Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5/ Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật.

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

6/ Tham dự các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Điều 11. Cổ phiếu

1/ Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty. Cổ đông của công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần tương ứng. Cổ phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính công ty.
- b) Số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
- c) Số lượng cổ phần và loại cổ phần.
- d) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu.
- e) Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu ghi tên.
- f) Tóm tắt về thủ tục chuyển nhượng cổ phần.
- g) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của công ty.
- h) Số đăng ký tại Sở đăng ký cổ đông của công ty, ngày phát hành.

2/ Trường hợp có sai sót về nội dung hình thức cổ phiếu do công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu không bị ảnh hưởng. Chủ tịch hội đồng quản trị và Giám đốc công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra đối với công ty.

3/ Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị thiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó và phải trả phí cấp lại.

Khi đề nghị cấp lại, cổ đông phải cam đoan về các nội dung sau đây:

- a) Cổ phiếu đã thực sự bị mất, bị cháy hoặc bị thiêu hủy dưới hình thức khác. Trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm được lại đem trả công ty để tiêu hủy.
- b) Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 12. Sổ đăng ký cổ đông

1/ Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này.

2/ Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính công ty.
- b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán, và số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
- c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại, giá trị vốn cổ phần đã góp.
- d) Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp, số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức.
- e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3/ Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, hoặc trích lục, sao chép nội dung sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của công ty hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán.

4/ Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú, số chứng minh thư hoặc thẻ căn cước công dân thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do cổ đông không thông báo việc thay đổi các thông tin cá nhân trên.

Điều 13. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần.

1/ Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức, giá chào bán cổ phần trong số cổ phần được quyền chào bán. Giá chào bán không được thấp hơn giá thị trường của cổ phần tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ các trường hợp sau đây:

- a) Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập.
- b) Cổ phần chào bán cho tất cả các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty.

2/ Khi công ty phát hành thêm cổ phần phổ thông và chào bán số cổ phần đó cho tất cả cổ đông phổ thông theo tỷ lệ cổ phần hiện có của họ tại công ty thì phải thực hiện theo quy định sau đây:

a) Công ty phải thông báo bằng văn bản đến các cổ đông theo phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của họ trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất 15 ngày trước ngày kết thúc thời hạn đăng ký mua cổ phần;

b) Thông báo phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần và tỷ lệ cổ phần hiện có của cổ đông tại công ty; tổng số cổ phần dự kiến chào bán và số cổ phần cổ đông được quyền mua; giá chào bán cổ phần; thời hạn đăng ký mua; họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của công ty. Kèm theo thông báo phải có mẫu phiếu đăng ký mua cổ phần do công ty phát hành.

c) Cổ đông có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác.

d) Nếu phiếu đăng ký mua cổ phần không được gửi về công ty đúng hạn như thông báo thì cổ đông có liên quan coi như đã không nhận quyền ưu tiên mua. Nếu số lượng cổ phần dự định phát hành không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì số cổ phần dự kiến phát hành còn lại sẽ do Hội đồng quản trị quản lý. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông của công ty hoặc người khác theo cách thức hợp lý với điều kiện không lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông. Trừ trường hợp cổ phần được bán qua trung tâm giao dịch chứng khoán.

3/ Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 121 Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông, kể từ thời điểm đó người mua cổ phần trở thành cổ đông của công ty.

4/ Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, công ty phải phát hành và trao cổ phiếu cho người mua. Công ty có thể bán cổ phần mà không trao cổ phiếu. Trường hợp này, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 121 Luật Doanh nghiệp được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong công ty.

5/ Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 119 của Luật doanh nghiệp. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

6/ Điều kiện, phương thức và thủ tục chào bán cổ phần ra công chúng thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

7/ Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Thừa kế cổ phần

1/ Công ty tôn trọng quyền thừa kế cổ phần theo quy định của pháp luật. Trường hợp có nhiều người cùng thừa kế cổ phần thì phải cử đại diện sở hữu duy nhất bằng thủ tục công chứng thư. Công ty không tham gia xử lý tranh chấp giữa những người thừa kế cổ phần.

2/ Trường hợp cổ đông là pháp nhân hoặc tổ chức khác thực hiện chuyển đổi, sáp nhập, hợp nhất, chia tách giải thể thì tổ chức hoặc pháp nhân mới thừa kế quyền và nghĩa vụ của cổ đông cũ phải gửi cho Hội đồng quản trị của công ty các văn bản pháp lý về việc chuyển đổi đó và có văn bản cử người đại diện.

3/ Người thừa kế hợp pháp phải thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký để trở thành cổ đông mới được hưởng mọi quyền lợi và phải thực hiện mọi nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế. Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát và các cán bộ quản lý khác cũng được quyền thừa kế, nhưng người được thừa kế

quyền sở hữu không được mặc nhiên thừa kế quyền làm thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát và các chức danh quản lý đó.

4/ Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

5/ Khi được quyền thừa kế và sở hữu hợp pháp, người đó mới được hưởng mọi quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông mà họ thừa kế.

Điều 15. Phát hành trái phiếu

1/ Công ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty.

2/ Công ty không thanh toán đủ cả gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành, không thanh toán hoặc thanh toán không đủ các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liên tiếp trước đó sẽ không được quyền phát hành trái phiếu, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác

3/ Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm phát hành, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ giải trình quyết định của Hội đồng quản trị về phát hành trái phiếu.

4/ Việc phát hành trái phiếu cho các chủ nợ là tổ chức tài chính được lựa chọn không bị hạn chế bởi quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 16. Mua cổ phần, trái phiếu

Cổ phần, trái phiếu của công ty cổ phần có thể được mua bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật và phải được thanh toán đủ một lần.

Điều 17. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1/ Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền và nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ họ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại khoản này.

2/ Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 3 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 18. Mua lại cổ phiếu theo quyết định của công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1/ Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2/ Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Điều lệ không quy định hoặc công ty và cổ đông có liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.

3/ Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong công ty. Quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức đảm bảo đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải có tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho công ty.

Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày thông báo. Chào bán phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần chào bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 19. Điều kiện thanh toán và xử lý cổ phần được mua lại

- 1/ Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 129 và Điều 130 Luật Doanh nghiệp nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
- 2/ Cổ phần được mua lại theo quy định của Điều 129 và Điều 130 Luật Doanh nghiệp, được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 của Luật Doanh nghiệp.
- 3/ Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với công ty.
- 4/ Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 20. Trả cổ tức

- 1/ Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty chỉ được chi trả cổ tức cho cổ đông khi công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, trích lập các quỹ và bù đắp đủ các khoản lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, công ty vẫn phải đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và có thể được chi trả bằng séc, chuyển khoản hoặc lệnh trả tiền gửi bằng bưu điện đến địa chỉ thường trú hoặc địa chỉ liên lạc của cổ đông.
- 2/ Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ của cổ đông chậm nhất 15 (mười

lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải ghi rõ số lượng cổ phần của từng loại, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận, thời điểm và phương thức trả cổ tức; Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của công ty.

3/ Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

4/ Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 122, 123 và 124 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 21. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Khoản 1 Điều 131 của Luật Doanh nghiệp hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 132 của Luật Doanh nghiệp thì các cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận. Trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì cổ đông đó và tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

Chương III

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 22. Đại hội đồng cổ đông

1/ Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty cổ phần.

2/ Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển của công ty.

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần.

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát.

d/ Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn **35% tổng** giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

e/ Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty. Trừ trường hợp điều chỉnh vốn Điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán được quy định tại Điều lệ công ty; Thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

f) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.

g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại.

h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông.

i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty.

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3/ Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền đều phải thông báo bằng văn bản đến công ty trong thời hạn sớm nhất.

Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số và ngày quyết định thành lập hoặc đăng ký kinh doanh của cổ đông.

b) Số lượng cổ phần, loại cổ phần, ngày đăng ký cổ đông tại công ty.

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp của người đại diện theo uỷ quyền.

d) Số cổ phần được uỷ quyền đại diện.

đ) Thời hạn đại diện theo uỷ quyền.

e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông.

Công ty phải gửi thông báo về người đại diện theo uỷ quyền quy định tại khoản này đến cơ quan Đăng ký kinh doanh trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận thông báo.

Điều 23. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

1/ Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp trên địa bàn Hà Nội. ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề được luật pháp và Điều lệ này quy định. Đặc biệt, các cổ

đồng sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp báo cáo kiểm toán, báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích những nội dung liên quan.

2/ Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan Đăng ký kinh doanh có thể gia hạn nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Báo cáo tài chính hàng năm.
- b) Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý kinh doanh của công ty.
- c) Báo cáo của Ban kiểm soát về quản lý công ty của Hội đồng quản trị; Giám đốc.
- d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại.
- đ) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

3/ Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.
- b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật.
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp.
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát.
- đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4/ Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.

5/ Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trưởng ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty.

6/ Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp, có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

7/ Người triệu tập phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật doanh nghiệp.

8/ Chi phí cho việc họp và tiến hành Đại hội cổ đông theo quy định tại các khoản 4 khoản 5 và khoản 6 của điều này sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 24. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1/ Danh sách cổ đông được lập như sau:

- Công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Thủ tục ủy quyền và lập Giấy ủy quyền cho các cổ đông được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

- Chốt danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ không sớm hơn 05 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp ĐHĐCĐ; Chuẩn bị chương trình họp và các tài liệu phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty.

2/ Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có : Họ tên, địa chỉ thường trú, Quốc tịch, Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân.

Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3/ Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 25. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

1/ Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2/ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất 03(Ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc.

Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, số và ngày đăng ký cổ đông tại công ty, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp

3/ Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ thủ tục, không đúng nội dung.

b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4/ Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 26. Mời họp Đại hội đồng cổ đông

1/ Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thư mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc. Thư mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2/ Thư mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong đại hội và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- b) Phiếu biểu quyết;
- c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

3/ Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 2 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

Điều 27. Quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

- 1/ Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 2 điều này.
- 2/ Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Công ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp theo quy định sau đây:
 - a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - b) Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp; Người dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp thư mời họp trước khi vào phòng họp.
 - c) Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
- 3/ Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự.

b) Người uỷ quyền đã chấm dứt việc uỷ quyền.

4/ Quy định tại khoản 2 Điều này không áp dụng nếu Công ty nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này chậm nhất 24 (hai mươi tư) giờ trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1/ Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất **51%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

2/ Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời gian 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất **33%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

3/ Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai nếu điều lệ công ty không quy định khác. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4/ Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo giấy mời họp theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 29. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định như sau:

1/ Trước ngày khai mạc Đại hội, phải tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp. Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết tương ứng với số vấn đề cần biểu quyết trong chương trình họp.

2. Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được xác định theo các quy định sau đây:

a) Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b) Chủ tọa cử người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

c) Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu không quá 05 (năm) người theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3/ Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4/ Chủ tọa và Thư ký họp Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

5/ Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ cao thẻ biểu quyết tán thành, sau đó giơ cao thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, phiếu biểu quyết không tán thành, phiếu biểu quyết không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6/ Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; Trong trường hợp này hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.

7/ Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác.

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp, trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn

cản tiến trình bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8/ Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp.
- b) Người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn cuộc họp tối đa không quá 3 (ba) ngày kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.

9/ Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này thì Đại hội đồng cổ đông bầu người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó đều không bị ảnh hưởng.

Điều 30. Điều kiện để Nghị quyết được thông qua

1/Nghị Quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu có số cổ đông đại diện ít nhất **65%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
- Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh.
- Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty.
- Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị lớn hơn **35%** tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
- Tổ chức lại, giải thể công ty.

2/ Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất **51%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

3/ Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

4/ Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham gia đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập,

nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.

5/ Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất **51%** tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

6/ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Nghị quyết được thông qua bằng hình thức đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 31. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1/ Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty.

2/ Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông.

3/ Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty.

b) Mục đích lấy ý kiến.

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua.

đ) Phương án biểu quyết bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

e) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời.

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

4/ Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước lúc kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

5/ Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát và một đại diện của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết.

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.

đ) Các vấn đề đã được thông qua.

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu, các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6/ Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử,

việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

7/ Các phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8/ Các nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 32. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1/ Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty trong thời hạn 24h hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp bằng hình thức đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty.

- Biên bản có thể bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.

c) Chương trình và nội dung cuộc họp.

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký.

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng.

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp.

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng.

i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau.

2/ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3/ Chủ tọa và thư ký cuộc họp liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được gửi đến tất cả cổ đông công ty trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp bằng hình thức đăng tải trên trang thông tin điện tử của công ty.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 33. Yêu cầu huỷ bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 LDN có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1/ Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp các nghị quyết của ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.

2/ Trường hợp nghị quyết của ĐHĐCĐ bị huỷ bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc trọng tài hoặc người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị huỷ bỏ thì có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp ĐHĐCĐ trong vòng 15 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Chương IV

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 34. Cơ cấu tổ chức quản lý Công ty cổ phần

Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty cổ phần Dệt Kim Hà Nội gồm có: Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát và Giám đốc.

Chủ tịch hội đồng quản trị hoặc Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải thường trú tại Việt Nam. Trường hợp vắng mặt trên 30 (ba mươi) ngày ở Việt Nam thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định tại Điều lệ công ty để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật.

Điều 35. Hội đồng quản trị

1/ Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2/ Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty.

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phiếu được quyền chào bán của từng loại, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

d) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của công ty.

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp.

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; Trừ hợp đồng và giao dịch quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp.

h) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản

lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định, quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người đó.

i) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty.

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty; Quyết định ban hành quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua; quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty và việc góp vốn, mua cổ phần của Doanh nghiệp khác theo đề nghị của Giám đốc Công ty.

l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.

m) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông.

n) Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.

o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản công ty.

p) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

3/ Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản và các hình thức khác. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4/ Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình Hội đồng quản trị phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho công ty. Thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

Trong trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục trong thời hạn ít nhất một năm có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị đình chỉ thực hiện quyết định nói trên.

5) Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu

quả. Nhiệm kỳ của người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

Điều 36. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1/ Hội đồng quản trị có 5 thành viên

- Các thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam
- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và của thành viên Hội đồng quản trị là 5 năm
- Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ được bầu lại không hạn chế.

2/ Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

3/ Khi có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Điều 37. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1/ Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 Luật Doanh nghiệp.
- b) Có trình độ học vấn, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.
- c) Có phẩm chất đạo đức, trung thực, liêm khiết, am hiểu pháp luật.
- d) Có đủ sức khỏe.

2/ Đối với công ty con là công ty mà Nhà nước sở hữu số cổ phần trên 50% vốn điều lệ thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

Điều 38. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1/ Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc công ty.

2/ Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị.
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị.
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị.

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3/ Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 39. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1/ Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất hoặc ngang nhau thì các thành viên tiến hành bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị.

2/ Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường, có thể họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.

3/ Cuộc họp định kỳ của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

4/ Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác.

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên điều hành của Hội đồng quản trị.

d) Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh bất bình thường.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5/ Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị theo quy định tại khoản 4 điều này. Trường hợp Chủ tịch không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; Người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6/ Chủ tịch hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày họp.

Thông báo mời họp phải được xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp đó và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

7/ Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát; Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8/ Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 4/5 thành viên trở lên dự họp. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản. Phiếu biểu quyết phải được đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận, trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

9/ Thành viên Hội đồng quản trị phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được uỷ quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 40. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1/ Cuộc họp của Hội đồng quản trị đều phải được ghi vào sổ biên bản, biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp.
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp.
- c) Thời gian, địa điểm họp.

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp. Họ, tên các thành viên không dự họp và lý do.

đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo **trình tự diễn biến** của cuộc họp.

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, **những thành viên** không tán thành và không có ý kiến.

h) Các vấn đề đã được thông qua.

i) Họ, tên, chữ ký của tất cả thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.

Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

2/ Biên bản họp Hội đồng quản trị và các tài liệu sử dụng trong cuộc họp đó phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

3/ Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị pháp lý ngang nhau.

Điều 41. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1/ Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và các đơn vị trong công ty.

2/ Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 42. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1/ Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp.

b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

c) Có đơn xin từ chức.

d) Vi phạm nghiêm trọng Điều lệ công ty.

2/ Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Hội đồng quản trị có thể bị miễn nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

3/ Khi số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ

đồng trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

Trong các trường hợp khác tại cuộc họp gần nhất Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 43. Giám đốc công ty

1/ Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Giám đốc. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của công ty.

2/ Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Giám đốc là 5 năm, có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tiêu chuẩn của Giám đốc áp dụng theo quy định tại Điều 65 của Luật Doanh nghiệp.

3/ Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau :

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị.

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị.

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty.

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty.

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

e) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc.

g) Tuyển dụng lao động.

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ kinh doanh.

i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật; Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

4/ Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì

Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

Điều 44. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc

1/ Công ty có quyền trả thù lao, tiền lương cho thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2/ Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc được trả theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

b) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

c) Giám đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3/ Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 45. Công khai các lợi ích liên quan

1/ Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác của công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần, tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó.

b) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn trên 10% vốn điều lệ.

2/ Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3/ Việc kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này phải được thông qua báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên và được niêm yết, lưu giữ tại trụ sở chính của công ty. Cổ đông đại diện theo uỷ quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Giám đốc có quyền xem xét nội dung kê khai bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết.

4/ Thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận. Nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

Điều 46. Trách nhiệm của người quản lý Công ty

1/ Thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc và người quản lý có các trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan; Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao, một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.

c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông, không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức cá nhân khác.

d) Thông báo kịp thời đầy đủ chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần vốn góp, cổ phần chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty.

2/ Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 47. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1/ Hợp đồng, giao dịch giữa công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện uỷ quyền của cổ đông sở hữu trên **20%** tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ.

b) Thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc.

c) Doanh nghiệp quy định tại điểm a và b khoản 2 điều 159 Luật Doanh nghiệp và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc.

2/ Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn **35%** tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật của công ty phải gửi đến các thành viên hội đồng quản trị, niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết. Thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3/ Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác trừ trường hợp quy định tại khoản 2 điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện **65%** tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

4/ Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này gây thiệt hại cho công ty. Người đại diện theo pháp luật, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Chương V

BAN KIỂM SOÁT

Điều 48. Cơ cấu tổ chức Ban kiểm soát

1/ Ban kiểm soát có 03 thành viên.

- Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là 5 năm
- Thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Thành viên Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu bằng hình thức bầu dồn phiếu. Người trúng cử vào Ban kiểm soát phải thu được số phiếu quá bán tính theo tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông và đại diện cổ đông dự họp. Trường hợp những người cuối cùng có số phiếu ngang nhau, thì tổ chức bầu lại riêng của những người đó để chọn người có số phiếu cao hơn.

2/ Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên trưởng trú ở Hà Nội. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

3/ Tại thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên

1/ Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Đủ từ 21 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật này.
- b) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác.

2/ Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ lãnh đạo công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty.

Điều 50. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1/ Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của HĐQT, Giám đốc và người quản lý khác trong việc quản lý và điều hành Công ty. Giám sát sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT,

Giám đốc và cổ đông. Chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao;

2/ Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh trong tổ chức của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3/ Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm, sáu tháng của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị. Trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh hằng năm của công ty và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4/ Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 Luật Doanh nghiệp.

5/ Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp. Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra; Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

6/ Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7/ Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

8/ Thực hiện các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp; Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

9/ Ban kiểm soát có quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 51. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.

1/ Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2/ Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

3/ Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; Có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của công ty làm việc.

4/ Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị; Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, kịp thời chính xác thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát.

Điều 52. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1/ Thành viên Ban kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.

2/ Thành viên ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

3/ Tiền lương, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 53. Trách nhiệm của kiểm soát viên

- 1/ Tuân thủ đúng pháp luật và Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
- 2/ Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và của cổ đông.
- 3/ Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, không được lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- 4/ Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- 5/ Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1,2,3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên ban kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều này đều thuộc sở hữu của công ty.
- 6/ Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong thực thi quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 54. Miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên

- 1/ Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 164 của Luật doanh nghiệp.
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - c) Có đơn xin từ chức và được chấp thuận.
 - d) Vi phạm nghiêm trọng Điều lệ công ty.

2/ Ngoài các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3/ Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại lớn cho công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét và miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

Chương VI

LAO ĐỘNG TIỀN LƯƠNG

Điều 55. Lao động và tuyển dụng lao động

Việc tuyển dụng, sử dụng, chấm dứt hợp đồng lao động thực hiện theo Bộ luật Lao động. Thỏa ước lao động tập thể và nội dung hợp đồng lao động đã ký giữa Giám đốc (hoặc người được Giám đốc uỷ quyền) với người lao động.

Giám đốc có quyền tuyển dụng hoặc chấm dứt hợp đồng lao động theo yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty và phù hợp với quy định của Bộ luật Lao động. Trong quá trình hoạt động xét thấy cần bổ sung lao động, công ty sẽ tuyển dụng những người có năng lực, trình độ và có khả năng hoàn thành công việc mà công ty cần. (Tiêu chuẩn tuyển dụng cho từng loại công việc công ty sẽ cụ thể hoá khi có nhu cầu tuyển dụng). Ưu tiên tuyển chọn con em cổ đông của công ty nhưng phải đảm bảo đầy đủ tiêu chuẩn tuyển dụng công ty đề ra.

Nếu có trường hợp thừa kế muốn được thay thế vào làm việc tại công ty, người đó cũng phải có đủ tiêu chuẩn quy định và đúng với nhu cầu tuyển dụng.

Điều 56. Tiền lương

Tiền lương và các khoản phụ cấp, tiền thưởng đối với người lao động được trả theo năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc của người lao động phù hợp với quy định hiện hành của pháp luật lao động và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Điều 57. Quyền lợi và trách nhiệm của người lao động

Người lao động trong công ty cổ phần được hưởng quyền lợi theo quy định của bản Điều lệ này, bản Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể hợp pháp

của công ty đã đăng ký tại cơ quan lao động địa phương theo quy định của pháp luật lao động.

Người lao động được thực hiện chính sách Bảo hiểm xã hội; Bảo hiểm y tế; Bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật lao động.

Người lao động có nghĩa vụ chấp hành Điều lệ, Nội quy lao động và các quy chế của công ty có liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động. Đối với những người vi phạm kỷ luật lao động Giám đốc công ty có quyền xử lý vi phạm kỷ luật lao động và trách nhiệm vật chất theo Nội quy lao động của công ty và phù hợp với quy định của pháp luật lao động.

Chương VII

TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 58. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty cổ phần Dệt kim Hà Nội bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 của năm dương lịch và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Riêng năm đầu mới thành lập, năm tài chính bắt đầu từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 59. Quyết toán và Báo cáo tài chính

1/Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định. Trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải nộp Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế có thẩm quyền và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2/ Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3/ Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

Điều 60. Chế độ kế toán

1/ Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS), chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2/ Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3/ Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam.

Điều 61. Phân phối lợi nhuận

Tổng số lợi nhuận sau khi trừ thuế và các khoản phải nộp khác là lợi nhuận ròng của công ty.

1/ Lợi nhuận ròng được phân bổ và sử dụng như sau:

- Quỹ dự trữ ít nhất 5% lợi nhuận sau thuế (nhưng số dư không vượt quá 10% vốn Điều lệ).
- Quỹ đầu tư phát triển tối đa 5% lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ khen thưởng phúc lợi tối đa 5% lợi nhuận sau thuế
- Quỹ thưởng Ban điều hành doanh nghiệp tối đa 3% lợi nhuận sau thuế.

Sau khi trích lập các quỹ nói trên, lợi nhuận còn lại được chia cho các cổ phần gọi là cổ tức.

2/ Hội đồng quản trị có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông phương án phân phối lợi nhuận hằng năm của công ty.

Điều 62. Phân chia lợi tức cổ phần

Lợi tức cổ phần (cổ tức) được chia định kỳ mỗi năm một lần, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ra nghị quyết về phân phối lợi nhuận.

Điều 63. Xử lý kinh doanh thua lỗ

Trường hợp công ty kinh doanh thua lỗ. Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định trích từ quỹ dự trữ để bù đắp hoặc chuyển đổi các khoản lỗ sang năm tài chính tiếp theo.

Điều 64. Giải quyết tranh chấp

1/ Công ty cổ phần Dệt kim Hà nội có quyền bình đẳng trước pháp luật với mọi pháp nhân, thể nhân khi có tố tụng, tranh chấp.

2/ Chủ tịch Hội đồng quản trị; Giám đốc và người được uỷ quyền là người đại diện Công ty trước pháp luật.

3/ Mọi người trong công ty có các hành vi, vi phạm các quy định trong bản Điều lệ này đều bị xử lý kỷ luật, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử phạt hành chính, bồi thường trách nhiệm vật chất, buộc thôi việc hoặc chuyển đến Toà án xét xử theo luật định.

Chương VIII

GIẢI THỂ, THANH LÝ VÀ PHÁ SẢN

Điều 65. Giải thể

Công ty cổ phần Dệt kim Hà nội chỉ giải thể trong các trường hợp sau:

1/ Mục tiêu của công ty không thể thực hiện hoặc không có lợi.

2/ Đại hội đồng cổ đông quyết định giải thể, tách ra hoặc sáp nhập.

3/ Quyết định của Toà án đình chỉ hoạt động.

4/ Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Điều 66. Thanh lý tài sản khi công ty giải thể

1/ Khi công ty bị giải thể, việc quy định trách nhiệm thanh lý và cơ quan giám sát thanh lý được tiến hành theo pháp luật hiện hành.

2/ Xử lý tài sản khi công ty giải thể.

Sau khi thanh toán các khoản chi phí phát sinh trong quá trình thanh lý, tài sản công ty được trang trải theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Hoàn trả các khoản tiền lương; Bảo hiểm xã hội mà công ty còn nợ người lao động.

b) Trang trải các khoản nợ ngân sách Nhà nước theo chế độ hiện hành.

c) Hoàn trả các khoản nợ cho các chủ nợ công ty có thể chấp.

d) Hoàn trả các khoản nợ cho các chủ nợ công ty không có thể chấp.

e) Phần còn lại chia cho các cổ đông theo tỷ lệ cổ phần.

Điều 67. Phá sản

Việc phá sản doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của Luật Phá sản.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ NHỮNG QUY ĐỊNH KHÁC

Điều 68. Điều khoản thi hành

Công ty chính thức thành lập và hoạt động sau khi hoàn tất các thủ tục sau đây:

- 1/ Xác nhận danh sách các cổ đông đã mua hết số cổ phần phát hành và nộp đủ số vốn tương ứng.
- 2/ Đại hội đồng cổ đông thành lập đã phê chuẩn bản Điều lệ công ty.
- 3/ Đã bầu được Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát và Giám đốc một cách hợp pháp, hợp lệ.
- 4/ Việc quản lý công ty đã được giao cho Hội đồng quản trị.
- 5/ Đã hoàn tất mọi thủ tục thành lập công ty và đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội.

Điều 69. Con dấu

- 1/ Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.
- 2/ Hội đồng quản trị; Giám đốc công ty chịu trách nhiệm sử dụng và quản lý con dấu theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 70. Tuân thủ pháp luật

Những nội dung không được ghi trong bản Điều lệ này sẽ được thực hiện theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 71. Trình báo cáo hàng năm

- 1/ Tại thời điểm kết thúc tài chính năm tài chính Hội đồng quản trị phải chuẩn bị các báo cáo về tài liệu sau đây:
 - a) Báo cáo về tình hình kinh doanh và đánh giá công tác điều hành quản lý công ty.
 - b) Báo cáo tài chính.
- 2/ Đối với Công ty cổ phần mà pháp luật yêu cầu phải kiểm toán thì báo cáo tài chính hàng năm của Công ty cổ phần đã phải kiểm toán trước khi trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.
- 3/ Các báo cáo và tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này phải được gửi đến ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất 25 (hai mươi lăm) ngày trước ngày khai mạc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.
- 4/ Báo cáo và tài liệu do Hội đồng quản trị chuẩn bị, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải có ở trụ sở chính của công ty và chi

nhánh chậm nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày khai mạc họp thường niên của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ đông sở hữu cổ phần của công ty liên tục ít nhất một năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư hoặc kế toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét các báo cáo quy định tại Điều này trong thời gian họp lý.

Điều 72. Công khai thông tin về công ty cổ phần

1/ Công ty cổ phần phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và pháp luật có liên quan.

2/ Tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hằng năm phải được thông báo đến tất cả các cổ đông.

3/ Ngoài ra Công ty phải lập và công bố công khai thông tin khác theo quy định của pháp luật.

Điều 73. Hiệu lực của Điều lệ

1/ Điều lệ này gồm có 9 Chương và 73 Điều được phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Dệt Kim Hà Nội thông qua ngày 23 tháng 6 năm 2018. Điều lệ này thay thế toàn bộ:

- *Điều lệ lần đầu đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thành lập ngày 26 tháng 02 năm 2005.*
- *Điều lệ sửa đổi lần thứ nhất được phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Dệt kim Hà nội thông qua ngày 24 tháng 6 năm 2007.*
- *Điều lệ sửa đổi lần thứ hai được phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Dệt kim Hà nội thông qua ngày 13 tháng 6 năm 2009.*
- *Điều lệ sửa đổi lần thứ ba được phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Dệt kim Hà nội thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2011.*
- *Điều lệ sửa đổi lần thứ tư được phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Dệt kim Hà nội thông qua ngày 03 tháng 6 năm 2016.*

Điều lệ này được lập thành 10 bản có giá trị như nhau:

- a) 01 bản lưu tại phòng công chứng thành phố Hà Nội.
- b) 05 bản gửi các cơ quan có thẩm quyền và các thành viên liên quan.
- c) 04 bản lưu trong hồ sơ công ty.

2/ Các văn bản Điều lệ phải do Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên trong Hội đồng quản trị ký mới có giá trị.

3/ Các văn bản trích lục Điều lệ phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản trị công ty ký mới có giá trị.

Bản Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày công ty đã đăng ký tại phòng Đăng ký kinh doanh thành phố Hà Nội và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền./.

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch : Ông **Bùi Tấn Anh**

Thành viên : Ông **Mai Xuân Sơn**.....

Thành viên : Ông **Nguyễn Đình Chiến**.....

Thành viên : Ông **Đào Đình Tâm**.....

Thành viên : Bà **Phạm Thị Hợp**